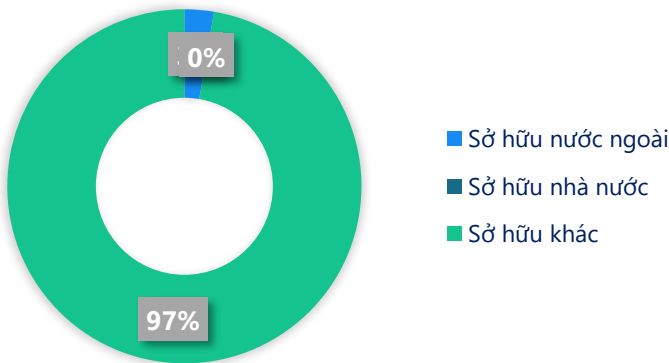


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		3,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		7,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		2,900
SL cổ phiếu LH		12,807,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		4,080
% sở hữu nước ngoài		2.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		42
P/E		12.3
EPS		268

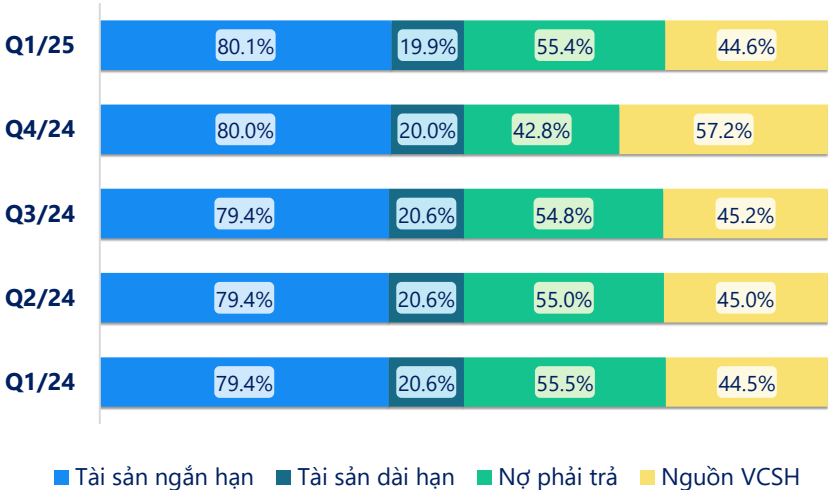
	YTD	1T	3T	6T
ICF	-2.9%	-2.9%	-13.2%	-17.5%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%

Cơ cấu sở hữu



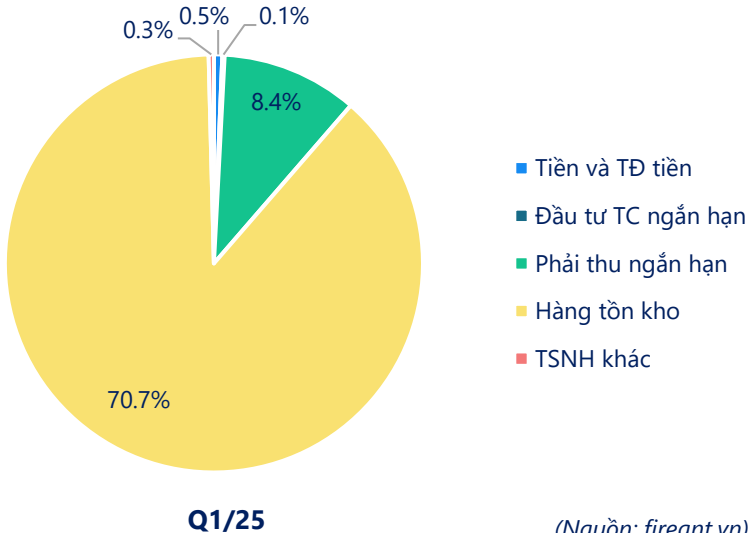
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



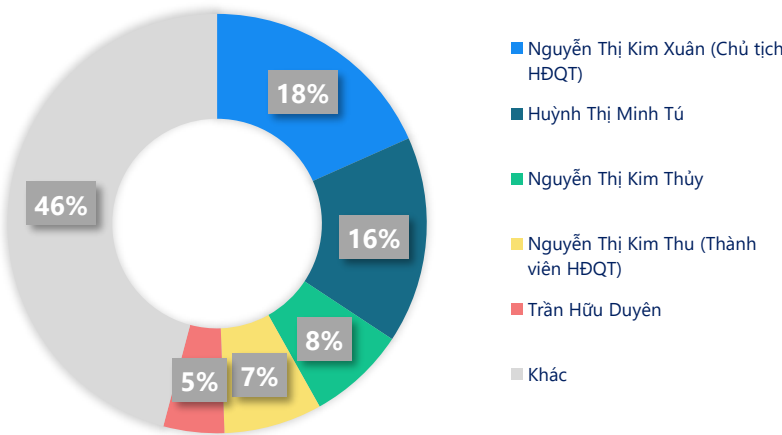
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



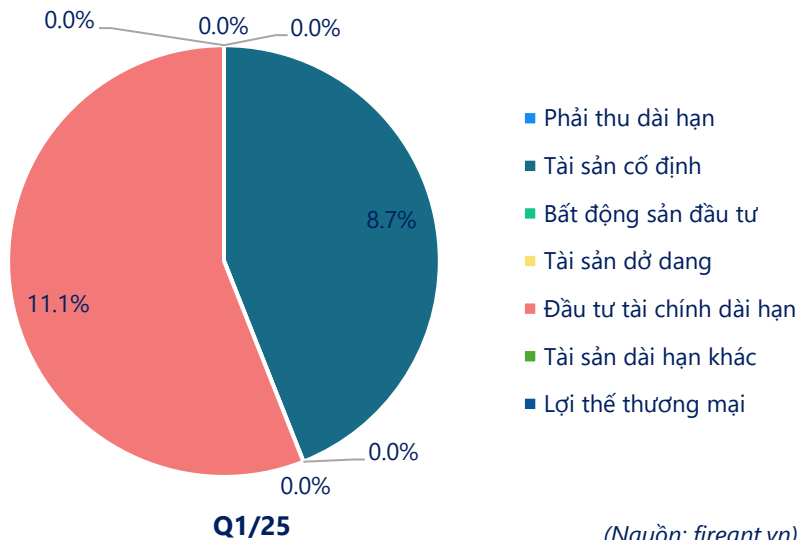
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

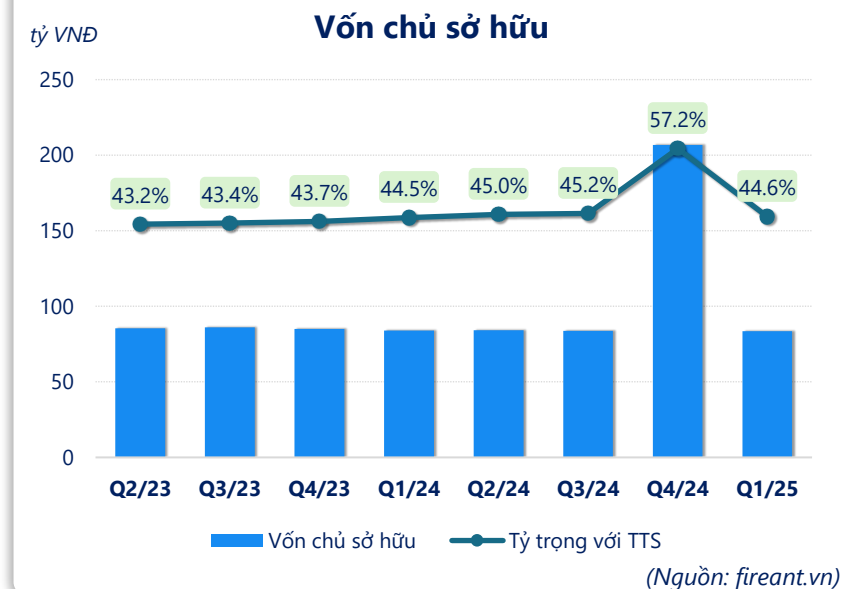
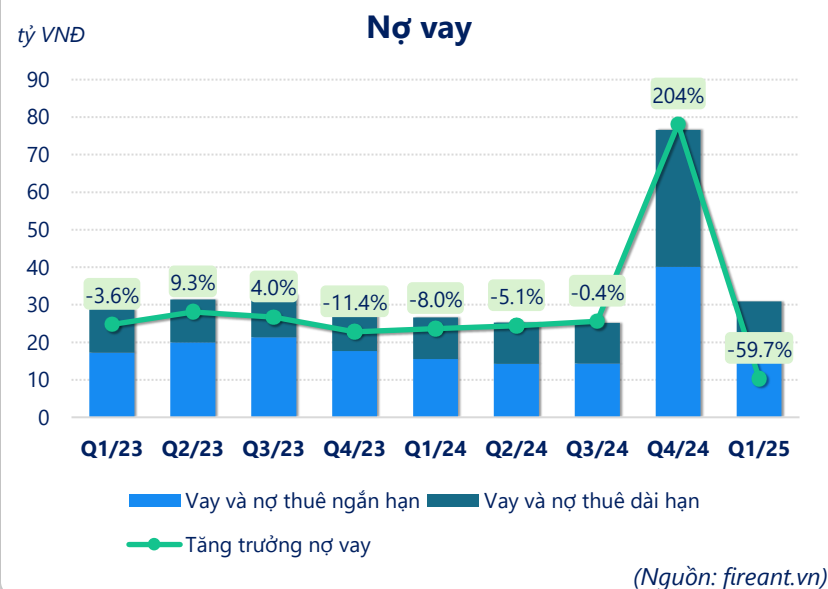
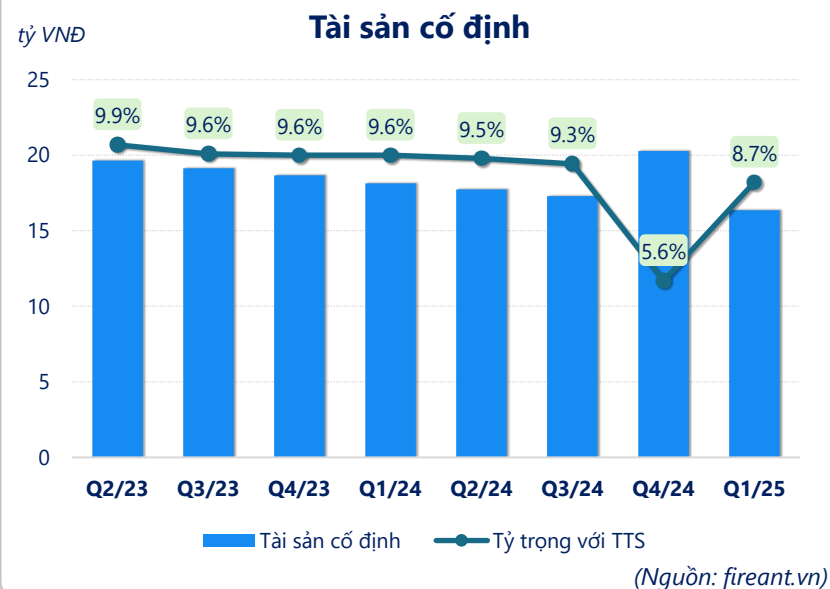
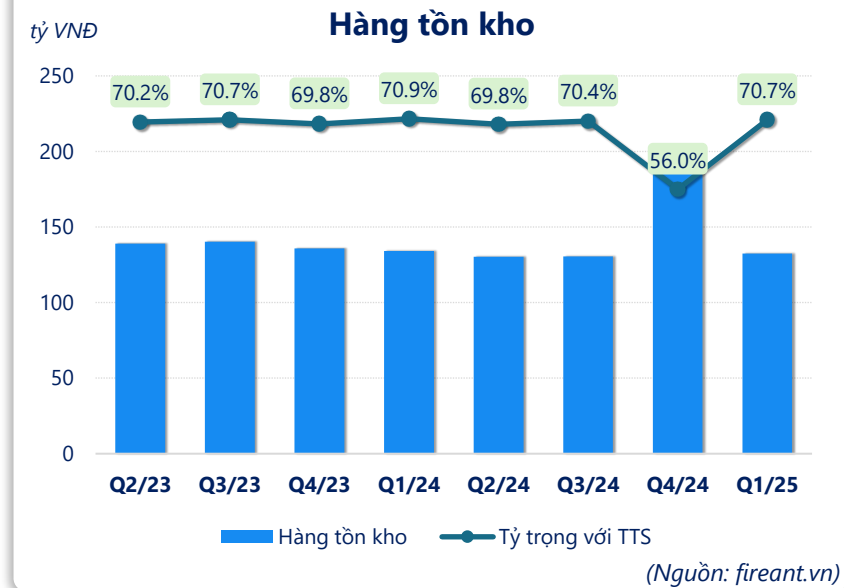
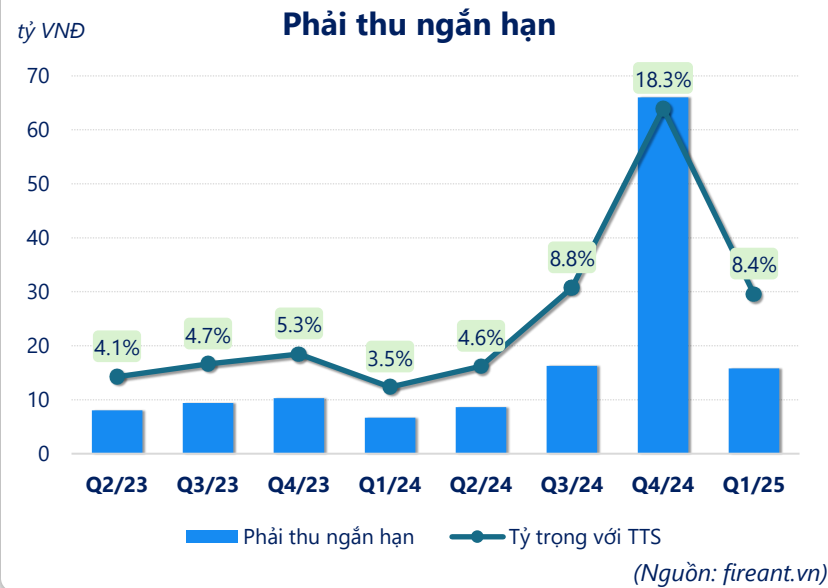
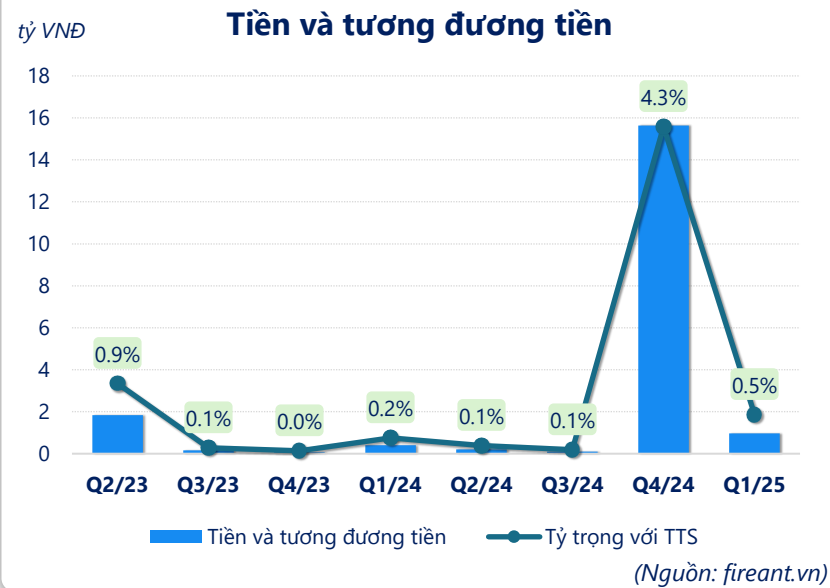


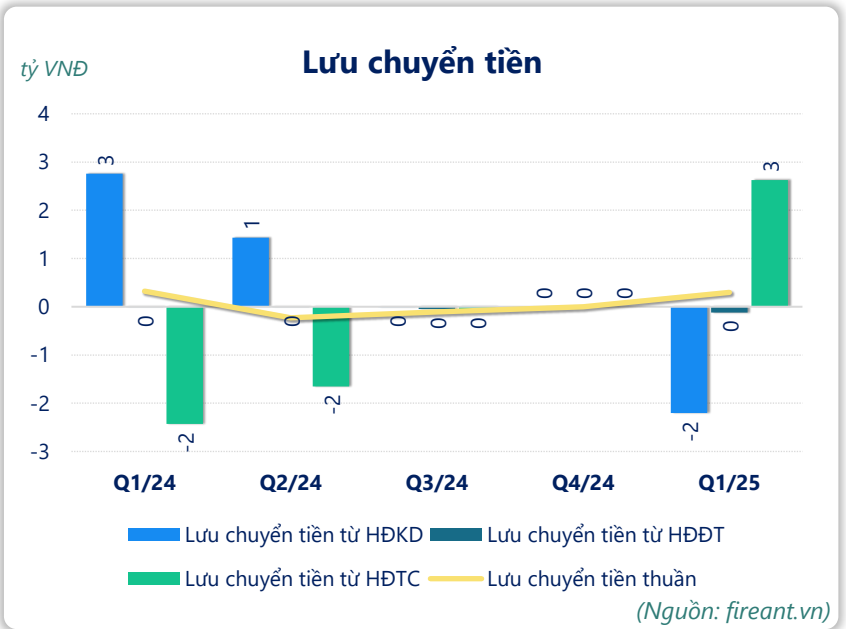
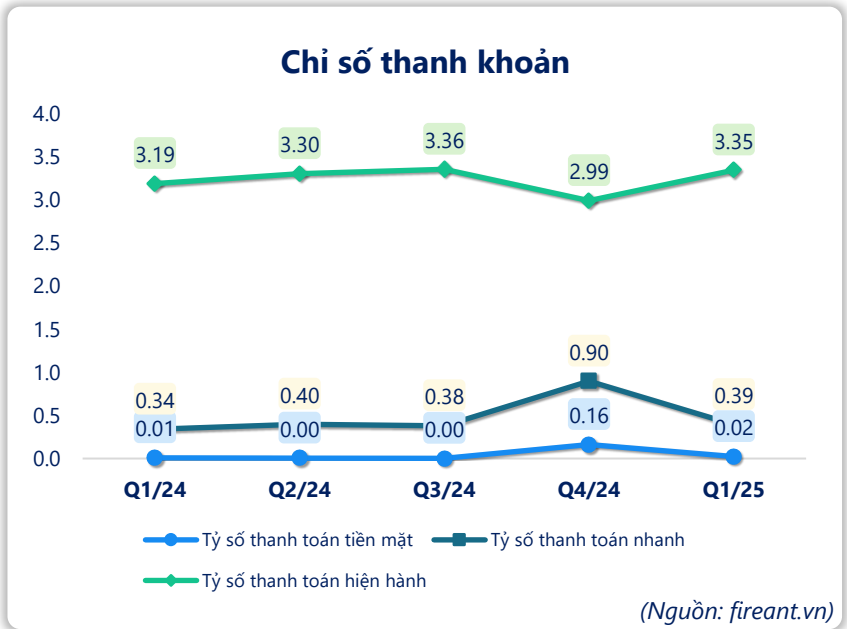
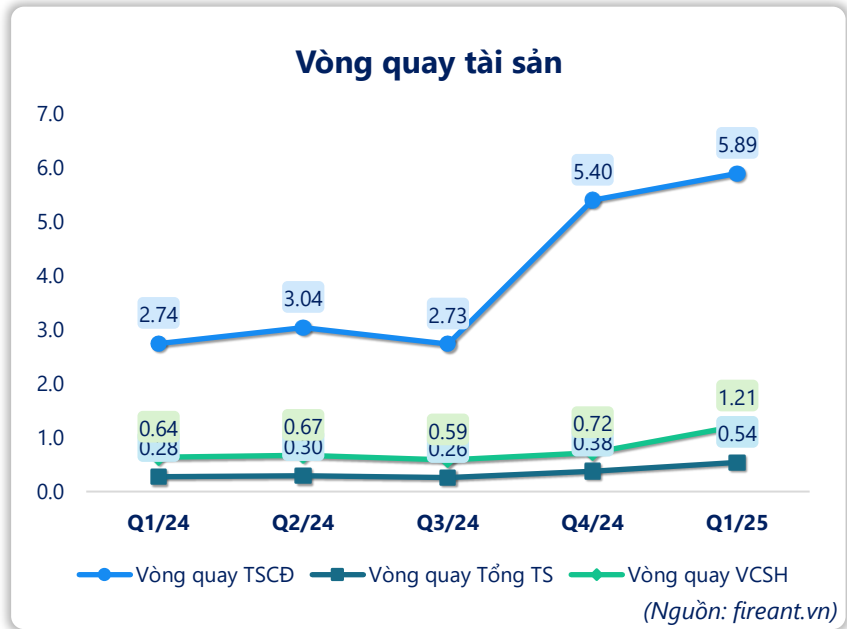
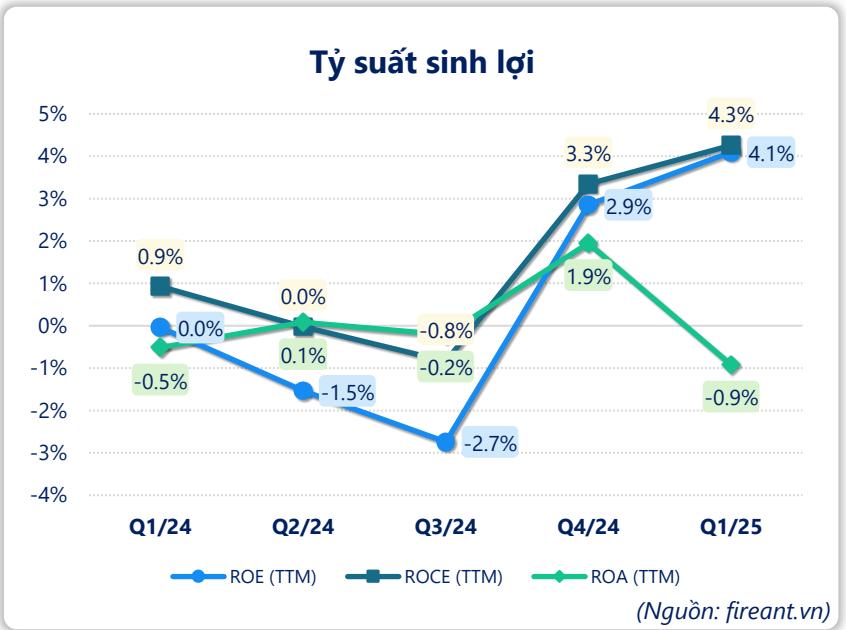
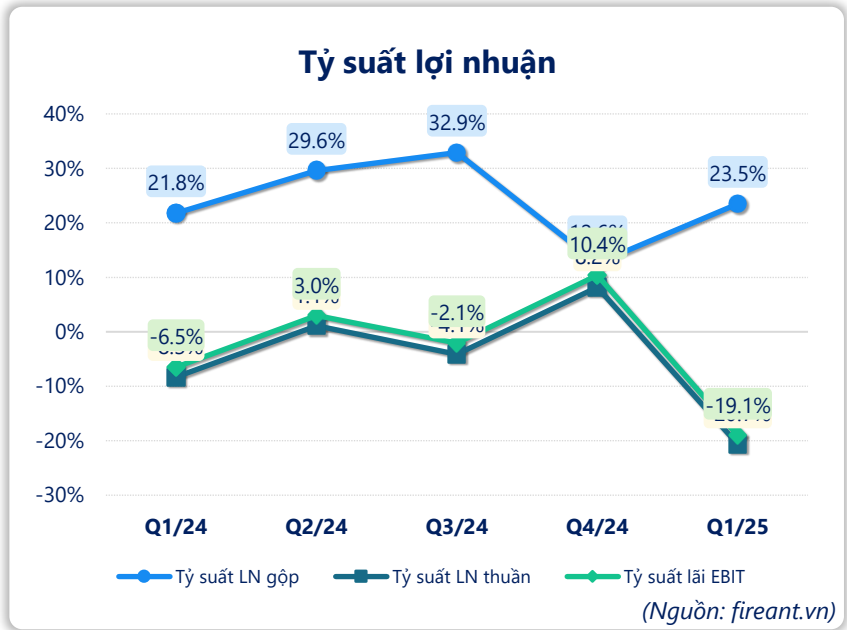
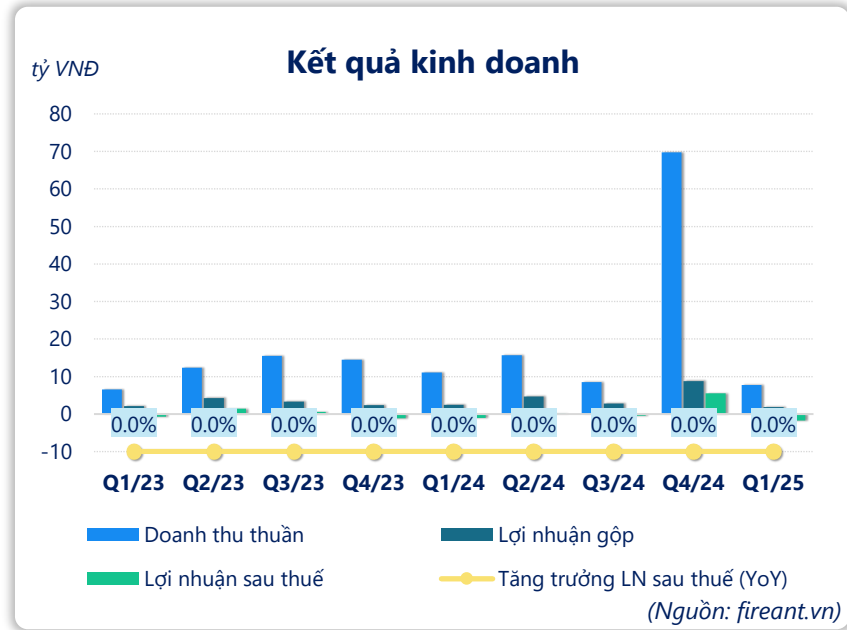
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)





CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	187	188	-0.4%
Tài sản ngắn hạn	150	150	-0.2%
Tiền và tương đương tiền	0.97	0.67	44.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.27	0.27	0.0%
Phải thu ngắn hạn	15.8	18.0	-12.0%
Hàng tồn kho	132	131	0.8%
Tài sản ngắn hạn khác	0.61	0.08	708%
Tài sản dài hạn	37.2	37.6	-1.2%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	16.4	16.8	-2.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	20.8	20.8	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0	0	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	104	103	1.0%
Nợ ngắn hạn	44.8	43.7	2.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	18.8	16.2	16.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	10.5	12.9	-18.5%
Nợ dài hạn	58.8	58.9	-0.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	12.0	12.1	-0.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	83.6	85.3	-2.0%
Vốn chủ sở hữu	83.6	85.3	-2.0%
Vốn điều lệ	128	128	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	11.1	15.7	8.47	69.8	7.76
Giá vốn hàng bán	8.69	11.0	5.69	61.0	5.93
Lợi nhuận gộp	2.42	4.64	2.79	8.79	1.82
Doanh thu HĐTC	0.04	0.02	0.08	0.17	0.13
Chi phí TC	0.28	0.71	0.23	1.57	0.25
Chi phí lãi vay	0.28	0.31	0.23	1.57	0.25
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.83	1.09	0.51	0.18	0.73
Chi phí QLDN	2.27	2.69	2.48	1.50	2.57
LN thuần từ HĐKD	-0.92	0.17	-0.35	5.71	-1.60
Lợi nhuận khác	-0.08	-0.02	-0.05	-0.04	-0.13
LN trước thuế	-1.00	0.16	-0.40	5.67	-1.73
Lợi nhuận sau thuế	-1.00	0.16	-0.40	5.50	-1.73
LNST của CĐ cty mẹ	-1.00	0.16	-0.40	5.41	-1.73

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	2.76	1.43	0.00	0	-2.21
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	-0.01	-0.05	0	-0.12
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-2.43	-1.65	-0.06	0	2.62
Tiền đầu kỳ	0.07	0.40	0.20	0	0.67
Lưu chuyển tiền thuần	0.32	-0.23	-0.11	0	0.30
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.03	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.40	0.20	0.10	0	0.97

(Nguồn: fireant.vn)